

|||||  
BẢN TIN

# Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại

www.trungtamwto.vn

Quý I và II/2016 • Số 4+5



**TÓM LƯỢC  
CỘNG ĐỒNG KINH TẾ  
ASEAN (AEC)**

WT CENTER  
VCCI  
TRUNG TÂM WTO

Trung tâm WTO và Hội nhập  
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam



# Giới thiệu

Trong một thập kỷ trở lại đây, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hóa thương mại của Việt Nam diễn ra rất mạnh mẽ, khởi đầu bằng việc gia nhập WTO và tiếp đó là ký kết một loạt các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA). Cho tới nay, Việt Nam đã đàm phán, ký kết và/hoặc thực thi tổng cộng 16 FTA, trong đó có những FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) và FTA Việt Nam – EU (EVFTA).

Trong thời gian qua, Trung tâm WTO và Hội nhập của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã luôn nỗ lực sát cánh cùng doanh nghiệp trong quá trình đàm phán và ký kết và thực thi các hiệp định này. Một trong những nỗ lực đó là việc thường xuyên cập nhật tình hình đàm phán và tư vấn khuyến nghị cho các doanh nghiệp thông qua 21 số Bản tin phát hành hàng quý *“Doanh nghiệp và Chính sách Thương mại Quốc tế”*.

Trong bối cảnh Việt Nam vừa kết thúc đàm phán hàng loạt các FTA quan trọng như TPP, EVFTA, nhằm chuẩn bị tốt nhất cho việc thực thi các FTA này trong thời gian tới thông qua cung cấp thông tin và hướng dẫn thực hiện cho các doanh nghiệp để có thể tận dụng tối đa các lợi ích từ các FTA mới, Trung tâm WTO và Hội nhập VCCI xin trân trọng giới thiệu tới bạn đọc Bản tin quý mới **“Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại”**.

Bản tin **“Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại”** là sự tiếp nối của Bản tin *“Doanh nghiệp và Chính sách Thương mại Quốc tế”* với các thông tin và tư vấn thể hiện theo cách thức cụ thể hơn, thiết thực hơn và với phương pháp tiếp cận thực tiễn hơn, giúp các doanh nghiệp chủ động và tận dụng hiệu quả hơn các lợi ích từ quá trình tự do hóa thương mại của Việt Nam.

Trung tâm WTO và Hội nhập VCCI hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và các góp ý của độc giả để ngày càng hoàn thiện hơn Bản tin này. Mọi thông tin và góp ý xin gửi về:



Để tìm hiểu thêm xin vui lòng truy cập website <http://www.trungtamwto.vn>

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP  
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  
Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: +84 4 35771458; Fax: +84 4 35771459  
Email: [banthuky@trungtamwto.vn](mailto:banthuky@trungtamwto.vn)  
Website: [www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn](http://www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn)

VCCI



# Mục lục



## 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ AEC



## 2. CÁC HIỆP ĐỊNH CHÍNH TRONG AEC



## 3. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA AEC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

## 4. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VÀ NHÀ NƯỚC





# Lời nói đầu

Cuối năm 2015, Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) đã được hình thành. Tuy nhiên, đây không phải điểm khởi đầu của các cam kết trong Cộng đồng này, cũng không phải là điểm hoàn tất các công việc của Cộng đồng này, mà chỉ là một dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế giữa các nước ASEAN. AEC đặt ra rất nhiều mục tiêu và việc hiện thực hóa AEC là cả một quá trình lâu dài với rất nhiều Hiệp định, Thỏa thuận, Chương trình, Sáng kiến, Tuyên bố... được các nước ASEAN thực hiện từ khi thành lập ASEAN (1992) đến nay, được đẩy nhanh trong thời gian gần đây và sẽ còn tiếp tục mạnh mẽ trong thời gian tới.

Đối với nhiều doanh nghiệp Việt Nam, khái niệm “Cộng đồng kinh tế ASEAN - AEC” có thể là còn mới mẻ nhưng thực chất các nội dung nhất định của AEC đã được triển khai thực hiện từ rất lâu thông qua các Hiệp định thương mại tự do về Hàng hóa, Dịch vụ, Đầu tư... trong ASEAN. Theo một điều tra mới thực hiện tháng 4/2016 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có tới 94% doanh nghiệp biết đến AEC nhưng chỉ chưa đầy 17% biết rõ về AEC. Số doanh nghiệp tận dụng được các cơ hội từ AEC thời gian qua còn thấp hơn nữa. Ví dụ, theo thống kê của Bộ Công thương, tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu đi ASEAN tận dụng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA) của doanh nghiệp trong những năm vừa qua chỉ chiếm dưới 30%.

Một trong những rào cản lớn nhất khiến các doanh nghiệp Việt Nam không tận dụng được AEC và các FTA được cho là do thiếu thông tin về nội dung các cam kết và hướng dẫn thực hiện. Do đó bản tin “Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại” số này với Chuyên đề về AEC sẽ giới thiệu những thông tin cơ bản nhất về AEC và tóm lược nội dung những hiệp định quan trọng nhất của AEC nhằm giúp bạn đọc có được cái nhìn khái quát, đồng thời cũng hiểu cụ thể và sâu sắc hơn về bản chất và nội dung của AEC.



# 1.

## GIỚI THIỆU CHUNG VỀ AEC









# Thông tin chung về AEC



## GDP

2007: 1,3 nghìn tỷ USD

2014: 2,6 nghìn tỷ USD

Đứng thứ 7 thế giới và thứ 3 châu Á



## GDP ĐẦU NGƯỜI

2007: 2.343 USD

2014: 4.135 USD



## DÂN SỐ

2014: 622 triệu dân

Đứng thứ 3 thế giới sau  
Trung Quốc và Ấn Độ



## CƠ CẤU DÂN SỐ

**2014:** 53% dưới 30 tuổi so với 39% của Đông Á và 34% của châu Âu



## CÁC ĐỐI TÁC THƯƠNG MẠI CHÍNH

Thương mại nội khối chiếm tỷ trọng lớn nhất năm 2014:

- ASEAN: 24%
- Trung Quốc: 14%
- EU: 10%
- Nhật Bản: 9%
- Hoa Kỳ: 8%



## TỔNG FDI

**2014:** 136 tỷ USD chiếm 11% FDI toàn thế giới  
Cơ cấu nguồn vốn FDI 2014

- EU: 21%
- Nội khối ASEAN: 18% (24 tỷ USD)
- Nhật Bản: 10%
- Hoa Kỳ: 10%
- Trung Quốc: 7%

## TỔNG THƯƠNG MẠI

**2007:** 1,6 nghìn tỷ USD  
**2014:** 2,5 nghìn tỷ USD



# Lịch sử hình thành AEC



**1992**

Khái niệm hội nhập kinh tế ASEAN lần đầu tiên được đưa ra trong Hiệp định khung về Thúc đẩy Hợp tác Kinh tế ASEAN ký tại Singapore. Hiệp định này nhấn mạnh tầm quan trọng trong hợp tác trong các lĩnh vực thương mại, công nghiệp, năng lượng và khoáng sản, tài chính và ngân hàng, thực phẩm, nông nghiệp và lâm nghiệp, giao thông và truyền thông



**1992**

Hiệp định về Chương trình Ưu đãi Thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) được ký kết, sau đó được thay thế bởi Hiệp định về Thương mại Hàng hoá ASEAN 2010



**1995**

Hiệp định khung về Dịch vụ ASEAN được ký kết

**1998**

Hiệp định khung về Đầu tư ASEAN được ký kết, sau đó được thay thế bởi Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN 2012







## 2003

Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN 9, các nhà lãnh đạo ASEAN lần đầu tiên tuyên bố mục tiêu hình thành một Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Mục tiêu này cũng phù hợp với Tầm nhìn ASEAN 2020 thông qua vào năm 1997 với mục tiêu phát triển ASEAN thành một Cộng đồng ASEAN.



## 2006

Tại cuộc họp các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 38, Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC (AEC Blueprint) đã được đưa ra với các mục tiêu và lộ trình cụ thể cho việc thực hiện AEC



## 2007

Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 12, các nhà lãnh đạo ASEAN đã đồng ý đẩy nhanh việc hình thành AEC vào năm 2015 thay vì 2020 như kế hoạch ban đầu



## 22/11/2015

Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 27, các nhà lãnh đạo ASEAN đã ký kết Tuyên bố Kuala Lumpur về việc thành lập AEC





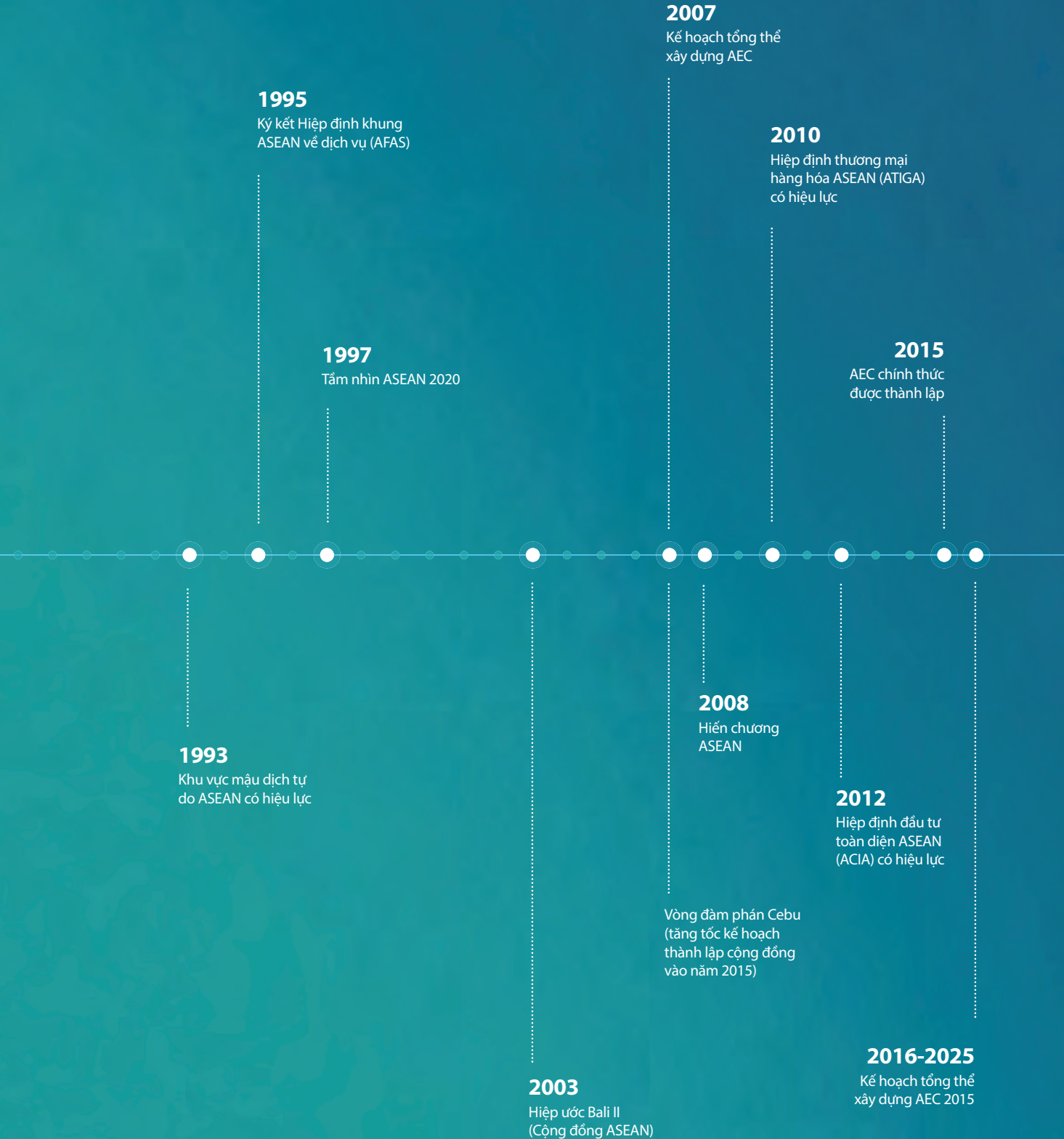
# Các mốc thời gian quan trọng của ASEAN

**1977**

Hiệp định về các  
Thỏa thuận Thương  
mại Ưu đãi ASEAN

**1967**

ASEAN ra đời



# Mục tiêu của AEC

## MỘT THỊ TRƯỜNG ĐƠN NHẤT VÀ CƠ SỞ SẢN XUẤT CHUNG

- Tự do lưu chuyển hàng hoá
- Tự do lưu chuyển dịch vụ
- Tự do lưu chuyển đầu tư
- Tự do lưu chuyển vốn
- Tự do lưu chuyển lao động có tay nghề
- Lĩnh vực hội nhập ưu tiên
- Thực phẩm, nông nghiệp và lâm nghiệp



## MỘT KHU VỰC KINH TẾ CẠNH TRANH

- Các khuôn khổ chính sách về cạnh tranh
- Bảo hộ người tiêu dùng
- Quyền sở hữu trí tuệ
- Phát triển cơ sở hạ tầng
- Thuế quan
- Thương mại điện tử

## PHÁT TRIỂN KINH TẾ CÂN BẰNG

- Các kế hoạch phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)
- Sáng kiến hội nhập nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN

## HỘI NHẬP VÀO NỀN KINH TẾ TOÀN CẦU

- Tham vấn chặt chẽ trong đàm phán đối tác kinh tế
- Nâng cao năng lực tham gia vào mạng lưới cung cấp toàn cầu

## Bản chất AEC

Mặc dù được gọi với cái tên “Cộng đồng kinh tế”, AEC thực chất chưa thể được coi là một cộng đồng kinh tế gắn kết như Cộng đồng châu Âu (EC) bởi AEC không có cơ cấu tổ chức chặt chẽ và những điều lệ, quy định có tính chất ràng buộc cao và rõ ràng như EC

AEC thực chất là đích hướng tới của các nước ASEAN thông qua việc hiện thực hóa dần dần 04 mục tiêu kể trên (trong đó chỉ mục tiêu 01 là được thực hiện tương đối toàn diện và đầy đủ thông qua các Hiệp định và thỏa thuận ràng buộc đã ký kết, các mục tiêu còn lại mới chỉ dừng lại ở việc xây dựng lộ trình, khuôn khổ, thực hiện một số chương trình và sáng kiến khu vực).

AEC là một tiến trình hội nhập kinh tế khu vực chứ không phải là một Thỏa thuận hay một Hiệp định với các cam kết ràng buộc thực chất. Tham gia vào các mục tiêu của AEC là hàng loạt các Hiệp định, Thỏa thuận, Chương trình, Sáng kiến, Tuyên bố... giữa các nước ASEAN có liên quan tới các mục tiêu này. Những văn bản này có thể bao gồm những cam kết có tính ràng buộc thực thi, cũng có những văn bản mang tính tuyên bố, mục tiêu hướng tới (không bắt buộc) của các nước ASEAN.

Việc hiện thực hóa AEC đã được triển khai trong cả quá trình dài trước đây (thông qua việc thực hiện các cam kết tại các Hiệp định cụ thể về thương mại đã ký kết giữa các nước ASEAN) và sẽ được tiếp tục thực hiện trong thời gian tới (tiếp tục thực hiện theo lộ trình các Hiệp định, Thỏa thuận đã có và các vấn đề mới, nếu có).



# Thực hiện AEC

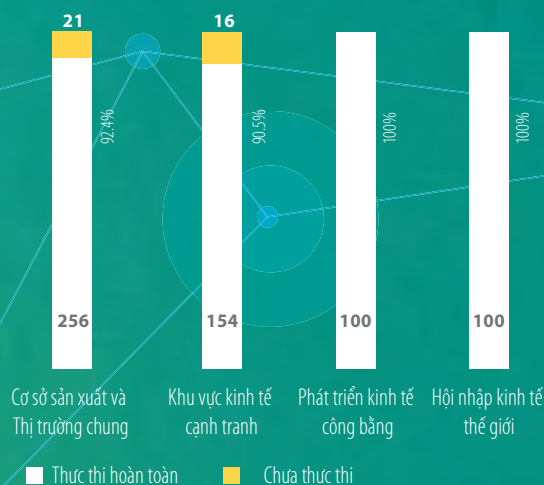
Để đánh giá việc thực hiện các biện pháp trong Kế hoạch tổng thể thực hiện AEC (AEC Blueprint), các nước ASEAN đã xây dựng Biểu đánh giá thực hiện AEC – AEC Scorecard.

AEC Scorecard thực chất là một hệ thống danh sách kiểm tra dạng “có hay không” để xác định một nước “có hay không” thực hiện các biện pháp trong AEC Blueprint.

Ban đầu, danh sách các biện pháp trong AEC Scorecard bao gồm 316 biện pháp trong AEC Blueprint. Nhưng danh sách này liên tục được rà soát và cập nhật để phù hợp hơn với tiến trình thực hiện AEC. Cho tới thời điểm hiện tại (tháng 12/2015), danh sách các biện pháp trong AEC Scorecard đã lên tới 611 biện pháp.

Đây là các biện pháp ưu tiên thực hiện nhằm nhanh chóng hình thành AEC. Các biện pháp này rất đa dạng, bao gồm từ việc ký và thông qua các hiệp định khu vực đến các hoạt động hỗ trợ nhằm thực thi các cam kết khu vực. Để được chấm điểm là thực hiện đầy đủ thì một biện pháp phải được thực hiện bởi cả 10 nước thành viên ASEAN.

Tình hình thực thi các biện pháp ưu tiên và được thực thi rộng rãi trong ASEAN theo công cụ đánh giá Scorecard (tính đến ngày 13/10/2015)



Nguồn: AEC 2015: Lộ trình và các tiến triển đã đạt được (asean.org)



# 2.

## CÁC HIỆP ĐỊNH CHÍNH TRONG AEC

Dưới đây là tóm tắt một số Hiệp định thương mại được ký kết trong khuôn khổ ASEAN và hướng tới mục tiêu thực hiện AEC.







# Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA)

## ❖ TỔNG QUAN

Hiệp định ATIGA được ký vào tháng 2/2009 và có hiệu lực từ ngày 17/5/2010, có tiền thân là Hiệp định Ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT/AFTA) ký năm 1992.

ATIGA là hiệp định toàn diện đầu tiên của ASEAN điều chỉnh toàn bộ thương mại hàng hóa trong nội khối và được xây dựng trên cơ sở tổng hợp các cam kết cắt giảm/loại bỏ thuế quan đã được thống nhất trong CEPT/AFTA cùng các hiệp định, nghị định thư có liên quan.

Việt Nam tham gia ASEAN từ năm 1995 và bắt đầu thực hiện CEPT/AFTA từ năm 1996 và sau này tiếp tục thực hiện ATIGA

## ❖ CÁC ĐẶC ĐIỂM CHÍNH

Trong ATIGA, các nước ASEAN dành cho nhau mức ưu đãi tương đương hoặc thuận lợi hơn mức ưu đãi dành cho các nước đối tác trong các Thỏa thuận thương mại tự do (FTA) mà ASEAN ký (các FTA ASEAN+)

Ngoài các cam kết về thuế quan, ATIGA cũng bao gồm nhiều cam kết khác như: xóa bỏ các hàng rào phi thuế quan, quy tắc xuất xứ, thuận lợi hóa thương mại, hải quan, các tiêu chuẩn và sự phù hợp, các biện pháp vệ sinh dịch tễ.

Biểu cam kết cắt giảm thuế quan trong ATIGA của mỗi nước (Phụ lục 2 của Hiệp định) bao gồm toàn bộ các sản phẩm trong Danh mục hài hòa thuế quan của ASEAN (AHTN) và lộ trình cắt giảm cụ thể cho từng sản phẩm trong từng năm. Do đó, so với CEPT, cam kết thuế quan trong ATIGA rất rõ ràng và dễ tra cứu.

## ❖ CÁC CAM KẾT CHÍNH

### Cam kết cắt giảm thuế quan

**Nguyên tắc cam kết:** tất cả các sản phẩm trong Danh mục hài hòa thuế quan của ASEAN (AHTN) đều được đưa vào trong biểu cam kết thuế quan của từng nước trong ATIGA, bao gồm cả những sản phẩm được cắt giảm thuế và cả những sản phẩm không phải cắt giảm thuế

Lộ trình cắt giảm thuế quan của các nước ASEAN-6 (Brunei, Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Philippines, Singapore) thường ngắn hơn các nước còn lại – nhóm CLMV bao gồm các nước Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam.

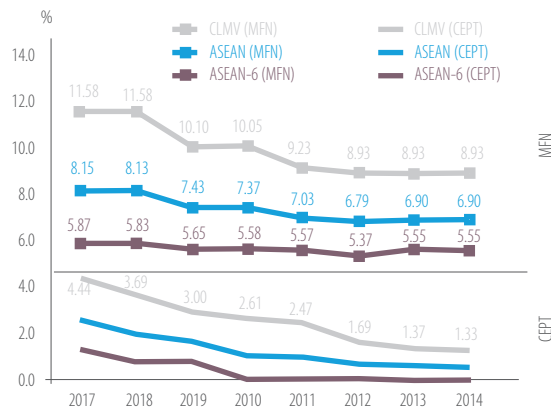


**Ví dụ:** Đối với các tất cả các sản phẩm thuộc lộ trình cắt giảm A (Sch-A) trong Biểu cam kết thuế quan thì:

- Các nước ASEAN-6: đến năm 2010 phải xóa bỏ thuế quan toàn bộ
- Các nước CLMV: đến năm 2015 mới phải xóa bỏ thuế quan và còn được linh hoạt 7% số dòng thuế (các nước được quyền tự lựa chọn các sản phẩm đưa vào danh mục 7% này) đến năm 2018 mới phải xóa bỏ thuế quan.

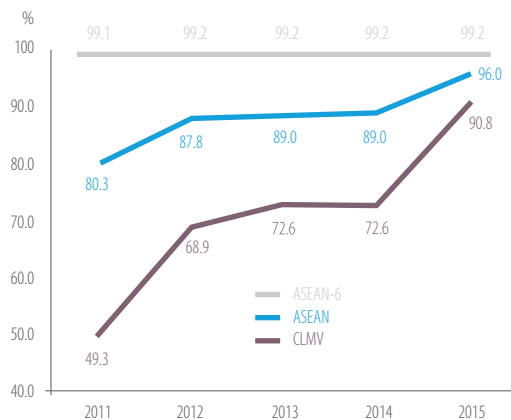
Đa số các sản phẩm trong biểu thuế quan sẽ được các nước xóa bỏ hoặc giảm thuế xuống còn dưới 5%, trừ một số sản phẩm nhạy cảm như: các sản phẩm nông nghiệp chưa chế biến, các sản phẩm nhạy cảm như súng đạn, thuốc nổ, rác thải....

So sánh thuế quan ưu đãi trung bình theo CEPT/ATIGA và thuế Tối huệ quốc (MFN) trung bình



Nguồn: ASEAN Secretariat and UN Comtrade database

Tỷ lệ thuế quan được xóa bỏ theo ATIGA



Nguồn: ASEAN Secretariat

### Thực thi của Việt Nam:

Theo thông tin từ Bộ Tài chính, thực hiện cam kết ATIGA, tính đến ngày 1/1/2014, Việt Nam đã cắt giảm về 0% đối với 6.897 dòng thuế (chiếm 72% tổng Biểu thuế nhập khẩu).

Đến ngày 1/1/2015, Việt Nam cắt giảm về 0% thêm 1.706 dòng thuế nữa. Số còn lại gồm 669 dòng thuế (chiếm 7% Biểu thuế), chủ yếu là những sản phẩm nhạy cảm trong thương mại giữa Việt Nam và ASEAN, sẽ xuống 0% vào năm 2018, bao gồm: ô tô, xe máy, phụ tùng linh kiện ô tô xe máy, dầu thực vật, hoa quả nhiệt đới, đồ điện dân dụng như tủ lạnh, máy điều hòa, sữa và các sản phẩm sữa...

Các sản phẩm không phải xóa bỏ thuế nhập khẩu (duy trì thuế suất MFN) gồm Thuốc lá điếu, lá thuốc lá, các mặt hàng an ninh quốc phòng như thuốc nổ, súng đạn, pháo hoa, rác thải y tế, lốp cũ...

Thực hiện các cam kết cắt giảm thuế quan theo ATIGA giai đoạn 2015-2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 165/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2015-2018.

### Cam kết về Quy tắc xuất xứ và Thủ tục chứng nhận xuất xứ

**Quy tắc xuất xứ:** Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi thuế quan theo ATIGA nếu có xuất xứ từ khu vực ASEAN. Một hàng hóa được coi là có xuất xứ ASEAN nếu:

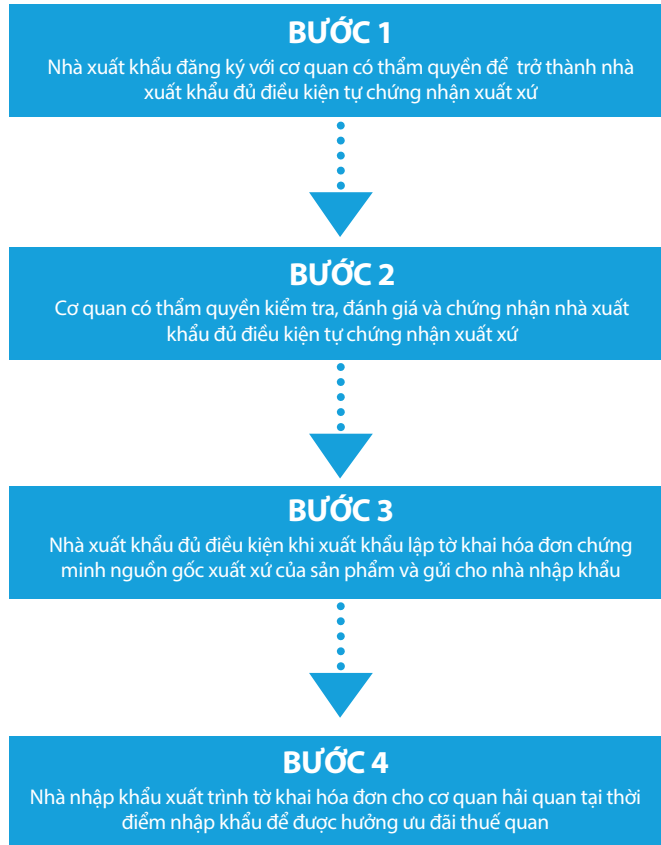
- Hàng hóa có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ trong khu vực ASEAN, hoặc
- Hàng hóa đáp ứng được các yêu cầu cụ thể về quy tắc xuất xứ trong Hiệp định (Phụ lục 3-Quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng). Có 03 loại quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng:
  - Hàng hóa phải có hàm lượng nguyên liệu nội khối (RVC) ít nhất là 40%, hoặc
  - Hàng hóa phải trải qua chuyển đổi HS 4 số, hoặc Hàng hóa phải trải qua một quy trình sản xuất nhất định. Các quy tắc này được áp dụng riêng hoặc kết hợp. Đa số các sản phẩm có quy tắc xuất xứ kết hợp, cho phép áp dụng đồng thời cả RVC và Chuyển đổi HS/Quy trình sản xuất.

**Thủ tục chứng nhận xuất xứ:** Để được hưởng ưu đãi thuế quan, theo ATIGA, nhà xuất khẩu phải xin Chứng nhận xuất xứ form D tại một cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu - ở Việt Nam là 18 Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu thuộc Cục Xuất Nhập khẩu – Bộ Công Thương và 37 Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất do Bộ Công Thương ủy quyền.

Tuy nhiên, hiện tại các nước ASEAN đang hướng tới việc áp dụng cơ chế Tự chứng nhận xuất xứ, cho phép nhà xuất khẩu được tự chứng nhận xuất xứ mà không cần phải thông qua một cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu. Hiện đã có hai dự án thí điểm về Tự chứng nhận xuất xứ đang được các nước ASEAN thực hiện, theo đó các nhà xuất khẩu đủ điều kiện sẽ được tự chứng nhận xuất xứ trên hóa đơn thương mại cho hàng xuất khẩu.

- Dự án thí điểm 1: Ký ngày 30/8/2010 bởi 3 nước Brunei, Malaysia và Singapore, bắt đầu thực hiện từ ngày 1/11/2010. Thái Lan tham gia vào tháng 10/2011.
- Dự án thí điểm 2: Ký ngày 29/8/2012 bởi 3 nước Lào, Indonesia và Philippines, bắt đầu thực hiện từ ngày 1/1/2014. Việt Nam tham gia vào tháng 9/2014

## Quy trình chứng nhận xuất xứ theo ASEAN



**Thực thi của Việt Nam:** Để hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam về việc áp dụng các quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ trong ATIGA, Bộ Công Thương đã ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện cho doanh nghiệp. Hai thông tư mới nhất về quy tắc xuất xứ trong ATIGA là:

- Thông tư số 42/2014/TT-BCT ngày 18/11/2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN
- Thông tư số 28/2015/TT-BCT ngày 20/8/2015 về việc quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN



# Hiệp định Khung về Dịch vụ ASEAN (AFAS)

## ☛ TỔNG QUAN

Ngày 15/12/1995: Các nước ASEAN ký Hiệp định Khung về Dịch vụ của ASEAN (AFAS). Hiệp định AFAS với các nội dung tương tự Hiệp định Chung về Thương mại Dịch vụ của WTO làm tiền đề cho các vòng đàm phán từng bước tự do hóa thương mại dịch vụ giữa các nước ASEAN.

Từ năm 1996 – 2015: Các nước ASEAN đã tiến hành đàm phán và đưa ra 9 Gói cam kết về dịch vụ, 6 Gói cam kết về dịch vụ tài chính và 8 Gói cam kết về dịch vụ vận tải hàng không.

## ☛ MỤC TIÊU

Mục tiêu tự do hóa trong khuôn khổ AFAS đã được nêu trong Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC (AEC Blueprint). AEC Blueprint đặt ra các yêu cầu về tự do hóa đối với cả 4 phương thức cung cấp dịch vụ là: Phương thức 1 – Cung cấp dịch vụ qua biên giới, Phương thức 2 – Tiêu dùng ở nước ngoài, Phương thức 3 – Hiện diện thương mại, và Phương thức 4 – Hiện diện thể nhân. Tuy nhiên, các Gói cam kết trong khuôn khổ Hiệp định AFAS chỉ đề cập đến 3 Phương thức 1,2,3 còn Phương thức 4 được tách ra đàm phán riêng trong Hiệp định về di chuyển thể nhân ASEAN (MNP) vào năm 2012.

Đối với 3 Phương thức cung cấp dịch vụ 1,2,3, AEC Blueprint đặt ra mục tiêu:

- Đối với Phương thức 1 và 2: Không có hạn chế nào, ngoại trừ các trường hợp có lý do hợp lý (như bảo vệ cộng đồng) và được sự đồng ý của tất cả các Thành viên ASEAN trong từng trường hợp cụ thể.
- Đối với Phương thức 3: Cho phép tỷ lệ góp vốn của các nhà đầu tư nước ngoài thuộc khu vực ASEAN trong các doanh nghiệp lên tới 70% vào năm 2015 đối với tất cả các lĩnh vực và từng bước loại bỏ các rào cản khác.

Tuy nhiên, cho tới thời điểm 31/12/2015 thì các nước ASEAN vẫn chưa đạt được đầy đủ các mục tiêu kể trên

## ☛ NGUYÊN TẮC, PHẠM VI VÀ HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN

**Nguyên tắc đàm phán:** Đàm phán dịch vụ trong khuôn khổ AFAS được thực hiện theo hình thức Chọn – Cho giống WTO, tức là tất cả các ngành/lĩnh vực có cam kết mở cửa thì sẽ được đưa vào trong các Gói cam kết, còn trường hợp không đưa vào là không có cam kết gì.

**Phạm vi cam kết:** Các Gói cam kết về mở cửa dịch vụ trong khuôn khổ Hiệp định AFAS không bao gồm Phương thức cung cấp dịch vụ 4 – Hiện diện thể nhân, mà chỉ bao gồm 3 Phương thức cung cấp dịch vụ 1- Cung cấp dịch vụ qua biên giới, 2 - Tiêu dùng ở nước ngoài và 3 – Hiện diện thương mại. Các cam kết về Hiện diện thể nhân hay còn gọi là Di chuyển thể nhân được đàm phán riêng trong Hiệp định về di chuyển thể nhân ASEAN năm 2012.

Ngoài ra, lĩnh vực dịch vụ Tài chính và Vận tải hàng không cũng được đàm phán riêng, không nằm trong các Gói cam kết chung.

## ☛ CÁC CAM KẾT CỤ THỂ

### \_ Các gói cam kết chung về dịch vụ

#### Tiến trình đàm phán

Từ năm 1996 đến 2006, các nước ASEAN đã tiến hành 4 vòng đàm phán về dịch vụ, mỗi vòng cách nhau 3 năm. Các vòng đàm phán quy định lộ trình cắt giảm cụ thể các rào cản đối với dịch vụ giữa các nước ASEAN. Kết quả sau 4 vòng đàm phán, các nước đã đưa ra 6 Gói cam kết về dịch vụ, Gói sau có cam kết cao hơn Gói trước và là một phần của Hiệp định AFAS.

Từ năm 2007 đến nay, các nước ASEAN không tiến hành các vòng đàm phán nữa mà thực hiện tự do hóa dịch vụ dựa trên các mục tiêu và lộ trình trong Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC (AEC Blueprint). Các Gói cam kết tiếp tục được đàm phán và thực hiện, tính đến tháng 11/2015 đã có 9 Gói cam kết đã được đưa ra.

Các Gói cam kết này không bao gồm dịch vụ Tài chính và Vận tải hàng không (hai lĩnh vực này được đàm phán trong các Gói cam kết riêng).

#### **Các vòng đàm phán và các gói cam kết dịch vụ trong khuôn khổ AFAS**

- **Vòng 1 (1996 – 1998)**

Gói thứ nhất, ký ngày 15/1/1997 tại Kuala Lumpur, Malaysia

Gói thứ 2, ký ngày 16/12/1998 tại Hà Nội, Việt Nam

- **Vòng 2 (1999 – 2001)**

Gói thứ 3, ký ngày 31/12/2001

- **Vòng 3 (2002 – 2004)**

Gói thứ tư, ký ngày 3/9/2004 tại Jakarta, Indonesia

- **Vòng 4 (2005 – 2006)**

Gói thứ 5, ký ngày 8/12/2006 tại Cebu, Philippines

Gói thứ 6, ký ngày 19/11/2007 tại Singapore

- **Vòng 5 (2007 – 2015)**

Gói thứ 7, ký ngày 26/02/2009 tại Cha-am, Thailand

Gói thứ 8, ký ngày 28/10/2010 tại Hà Nội, Việt Nam

Gói thứ 9, ký ngày 27/11/2015 tại Makati City, Philippines

## Hiệu lực

Với mỗi Gói cam kết, để thực hiện các nước ASEAN sẽ cùng ký vào một Nghị định thư thực thi Gói cam kết đó. Hiệu lực của Gói cam kết sẽ phụ thuộc vào quy định trong Nghị định thư.

Chẳng hạn như theo Nghị định thư thực thi Gói cam kết thứ 9 về Dịch vụ, Gói cam kết này sẽ có hiệu lực sau 180 ngày kể từ ngày ký Nghị định thư. Trong thời gian 180 ngày đó, các nước Thành viên sẽ tiến hành các thủ tục nội bộ để phê chuẩn Gói cam kết này, sau khi hoàn thành sẽ thông báo bằng văn bản cho Ban Thư ký ASEAN. Nếu một nước Thành viên không thể hoàn thành phê chuẩn trong vòng 180 ngày đó, thì đến khi nào hoàn thành và thông báo cho Ban Thư ký thì các quyền và nghĩa vụ của nước đó trong Gói thứ 9 mới bắt đầu.

## Mức độ cam kết

Các Gói cam kết trong AFAS nhìn chung có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết sâu hơn so với các cam kết trong WTO của mỗi nước thành viên. Các Gói cam kết sau có mức độ cam kết cao hơn các Gói cam kết trước nhằm tiến đến thực hiện các mục tiêu về tự do hóa dịch vụ đặt ra trong AEC Blueprint

Mức độ cam kết của Việt Nam:

- Trong các 9 Gói cam kết trên, các Gói cam kết 1-7 của Việt Nam có mức độ mở cửa dịch vụ chỉ thấp hơn hoặc bằng so với mức độ mở cửa dịch vụ của Việt Nam trong WTO. Nhưng bắt đầu từ Gói thứ 8 trở đi, một số cam kết của Việt Nam trong một số phân ngành đã bắt đầu cao hơn mức độ mở cửa trong WTO và bổ sung thêm cam kết cho một số phân ngành mới.
- Gói cam kết thứ 9 về dịch vụ trong AFAS có nhiều lĩnh vực Việt Nam cam kết cao hơn và mở rộng thêm một số cam kết so với WTO. Theo quy định của Nghị định thư thực thi Gói cam kết thứ 9 thì sau 180 ngày kể từ ngày ký Nghị định thư (27/11/2015) thì Gói này sẽ có hiệu lực.



## Một số cam kết dịch vụ của Việt Nam trong Gói cam kết thứ 9 của AFAS cao hơn cam kết trong WTO<sup>1</sup>

STT	Lĩnh vực	Cam kết trong Gói 9 AFAS cao hơn WTO
1	Dịch vụ Bất động sản	- Dịch vụ quản lý bất động sản trên cơ sở một khoản phí hoặc hợp đồng; Việt Nam mở cửa cả 3 Phương thức dịch vụ (trong WTO không có cam kết)
2	Dịch vụ nghiên cứu và phát triển	- Dịch vụ nghiên cứu và phát triển khoa học xã hội và nhân văn và Dịch vụ nghiên cứu và phát triển liên ngành: mở cửa cho phép tỷ lệ góp vốn của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài thuộc ASEAN lên tới 70% trong liên doanh (trong WTO không có cam kết)
3	Y tế	- Các dịch vụ bệnh viện, nha khoa và khám bệnh: Mở cửa hoàn toàn cả 3 phương thức cung cấp dịch vụ (trong WTO vẫn có yêu cầu về vốn đầu tư tối thiểu để thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ)  - Các dịch vụ y tá, vật lý trị liệu và cứu trợ y tế: chưa cam kết trong WTO, trong Gói 9 Việt Nam cam kết mở cửa hoàn toàn ở 3 phương thức cung cấp dịch vụ
4	Viễn thông	- Dịch vụ Giá trị gia tăng không có hạ tầng mạng (trừ dịch vụ tiếp cận internet): cho phép vốn góp của các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài trong liên doanh lên tới 70% (thay vì 65% như trong WTO)
5	Du lịch	- Dịch vụ công viên vui chơi giải trí (theme park): trong WTO Việt Nam không có cam kết gì đối với dịch vụ này. Trong Gói 9 của AFAS, Việt Nam cho phép các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài thành lập liên doanh để cung cấp dịch vụ này nhưng phần vốn góp không được vượt quá 70% vốn điều lệ của công ty, đồng thời Việt Nam vẫn giữ quyền phân biệt đối xử giữa các nhà cung cấp dịch vụ trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực này.
6	Vận tải	- Vận tải đường sắt: Trong WTO đối với dịch vụ này Việt Nam vẫn còn tương đối nhiều hạn chế đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. Trong Gói 9 của AFAS Việt Nam mở cửa hoàn toàn cả 3 Phương thức dịch vụ đối với Vận tải đường sắt hàng hóa, còn đối với Vận tải đường sắt hành khách thì chỉ duy trì hạn chế đối với Phương thức 3, theo đó yêu cầu tỷ lệ góp vốn trong liên doanh không vượt quá 51% (so với 49% trong WTO)  - Vận tải đường biển: Mở cửa thêm Phương thức 1 đối với cả vận tải đường biển hàng hóa và hành khách so với WTO. Còn đối với Phương thức 3, mở cửa hơn so với WTO ở hình thức vận tải đường biển hàng hóa khi cho phép vốn góp của nước ngoài trong các công ty vận hành đội tàu treo cờ Việt Nam lên tới 70% (so với 49% trong WTO)  - Vận tải đường bộ hàng hóa: Mở cửa thêm Phương thức 1 so với WTO và cho phép vốn góp của nước ngoài trong liên doanh lên tới 70% (so với 49% trong WTO)  - Các dịch vụ hỗ trợ, bảo trì, sửa chữa thiết bị vận tải: Gói cam kết 9 của AFAS có cam kết mở cửa bổ sung thêm một số dịch vụ này (trong WTO không có cam kết)

<sup>1</sup> Đây chỉ là ví dụ một số ngành dịch vụ có cam kết trong Gói 9 của AFAS cao hơn so với WTO, ngoài các ngành được nêu thì trong Gói 9 còn có các ngành khác cũng có cam kết cao hơn WTO

### **Các Gói cam kết về dịch vụ Vận tải hàng không**

Tính đến tháng 12/2015, các nước ASEAN đã đàm phán và đưa ra 8 Gói cam kết về dịch vụ Vận tải hàng không. Gói mới nhất – Gói 8 được ký vào ngày 20/12/2013 tại Pakse, Lào và các nước đang chuẩn bị thông qua Gói thứ 9.

Trong Gói cam kết thứ 8 của Việt Nam về vận tải hàng không, các lĩnh vực dịch vụ có cam kết cao hơn so với WTO bao gồm:

- Dịch vụ bán và tiếp thị dịch vụ vận tải hàng không: mở cửa đối với cả 3 phương thức, không bắt buộc phải có đại lý hoặc văn phòng bán vé tại Việt Nam như trong WTO.
- Dịch vụ đặt, giữ chỗ bằng máy tính: mở cửa đối với cả 3 phương thức, không yêu cầu phải sử dụng mạng viễn thông công cộng dưới sự quản lý của nhà chức trách viễn thông Việt Nam.
- Dịch vụ cho thuê máy bay kèm/không kèm đội bay, dịch vụ giao nhận hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không: chưa có cam kết trong WTO, trong Gói 8 Việt Nam cam kết không hạn chế đối với cả 3 phương thức cung cấp dịch vụ.
- Dịch vụ cung cấp bữa ăn trên máy bay: chưa có cam kết trong WTO, trong Gói 8 Việt Nam cam kết chỉ duy trì hạn chế vốn góp của các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài thuộc ASEAN trong liên doanh không quá 49%.

Ngoài Hiệp định AFAS, các nước ASEAN còn có các cam kết liên quan đến vận tải hàng không trong các thỏa thuận khác của ASEAN, bao gồm:

- Biên bản ghi nhớ ASEAN về dịch vụ vận tải hàng không, ký ngày 19/9/2002 tại Jakarta, Indonesia và Nghị định thư sửa đổi ký ngày 8/2/2007 tại Bangkok, Thái Lan
- Hiệp định đa biên ASEAN về Dịch vụ hàng không, ký ngày 20/5/2009 tại Manila, Philippines
- Hiệp định đa biên ASEAN về tự do hóa hoàn toàn dịch vụ vận tải hàng hóa hàng không, ký ngày 20/5/2009 tại Manila, Philippines
- Hiệp định đa biên ASEAN về tự do hóa hoàn toàn dịch vụ vận tải hành khách hàng không, ký ngày 12/11/2010 tại Bandar Seri Begawan, Brunei
- Khuôn khổ thực thi thị trường hàng không đơn nhất ASEAN (ASAM), thông qua ngày 15/12/2011 tại Phnom Penh, Campuchia.

### **\_ Các Gói cam kết về dịch vụ Tài chính**

Tính đến tháng 12/2015 các nước ASEAN đã tiến hành đàm phán và đưa ra 6 Gói cam kết về dịch vụ tài chính. Gói mới nhất – Gói 6 được ký ngày 20/3/2015 tại Kuala Lumpur, Malaysia. Tuy nhiên, do lĩnh vực tài chính là một trong những lĩnh vực nhạy cảm không chỉ đối với Việt Nam mà đối với nhiều nước ASEAN, nên các cam kết mở cửa dịch vụ tài chính trong các Gói cam kết tài chính của AFAS vẫn còn tương đối hạn chế, thường thấp hơn hoặc ngang bằng cam kết trong WTO.

Tuy nhiên, trong Nghị định thư thực hiện Gói cam kết thứ 6, các nước ASEAN đã đưa vào một nội dung quan trọng đó là: Nhằm tăng cường hội nhập khu vực trong lĩnh vực ngân hàng, hai hoặc nhiều nước thành viên ASEAN có thể tiến hành đàm phán riêng và mở cửa thêm cho nhau trong lĩnh vực này, các cam kết mở cửa riêng đó sẽ được đưa vào thành một phần của Gói cam kết dịch vụ tài chính thứ 6 nhưng chỉ dành riêng cho các nước đàm phán mở cửa thêm, còn có mở rộng cho các nước còn lại trong ASEAN hay không thì tùy thuộc vào sự tự nguyện của các nước này.

Đối với Việt Nam, trong Gói cam kết 6 về tài chính của AFAS, các cam kết mở cửa dịch vụ tài chính của Việt Nam tương đương các cam kết mở cửa trong WTO.



# Hiệp định ASEAN về di chuyển thể nhân (MNP)

Phương thức 4 trong 4 phương thức cung cấp dịch vụ là Di chuyển thể nhân, là sự di chuyển của cá nhân từ nước này qua nước khác để cung cấp một dịch vụ trong một khoảng thời gian nhất định. Trong ASEAN, phương thức cung cấp dịch vụ này ban đầu được đàm phán trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại Dịch vụ ASEAN (AFAS), nhưng sau đó được tách riêng ra để đàm phán trong một Hiệp định riêng là Hiệp định ASEAN về Di chuyển thể nhân (MNP) năm 2012.

Ngoài ra, để tạo thuận lợi hơn cho sự di chuyển của lao động có tay nghề giữa các nước ASEAN, các nước đã ký kết các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong một số lĩnh vực ngành nghề nhằm công nhận lẫn nhau về bằng cấp và trình độ của lao động có kỹ năng trong khu vực. Cho tới thời điểm tháng 12/2015, các nước ASEAN đã ký 8 Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) trong 8 lĩnh vực dịch vụ là: Kiến trúc, Tư vấn kỹ thuật, Điều dưỡng, Hành nghề y, Nha sỹ, Du lịch, Kế toán kiểm toán, và Khảo sát.

## ❖ HIỆP ĐỊNH ASEAN VỀ DI CHUYỂN THỂ NHÂN

**Giới thiệu:** Hiệp định ASEAN về Di chuyển thể nhân (MNP) được ký ngày 19/11/2012 tại Phnom Penh, Campuchia với mục tiêu dỡ bỏ đáng kể các rào cản đối với việc di chuyển tạm thời qua biên giới của các thể nhân tham gia vào thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư giữa các nước ASEAN.

### Phạm vi áp dụng:

Hiệp định này áp dụng đối với các quy định ảnh hưởng tới việc di chuyển tạm thời qua biên giới của thể nhân của một nước ASEAN sang lãnh thổ của nước ASEAN khác trong các trường hợp: i) Khách kinh doanh (business visitors), ii) Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp, iii) Người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng, iv) Một số trường hợp khác quy định cụ thể trong Biểu lộ trình cam kết về Di chuyển thể nhân của mỗi nước đính kèm theo Hiệp định này.

- Hiệp định không áp dụng đối với các quy định của một nước ASEAN liên quan tới việc hạn chế tiếp cận thị trường lao động của người lao động các nước ASEAN khác. Việc mở cửa thị trường lao động của mỗi nước chỉ áp dụng cho các ngành nghề được quy định cụ thể trong Biểu lộ trình cam kết của nước đó và thuộc một trong 4 trường hợp trên.
- So sánh cam kết WTO và Pháp luật Việt Nam: Các cam của Việt Nam trong MNP phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong WTO và các quy định pháp luật nội địa của Việt Nam

**Hiệp lực:** Hiệp định này hiện vẫn chưa có hiệu lực do một số nước ASEAN chưa hoàn tất thủ tục phê chuẩn

## ❖ CÁC THỎA THUẬN THỪA NHẬN LẤN NHAU (MRA)

### MRA đối với dịch vụ tư vấn kỹ thuật (Engineering Services)

MRA đối với dịch vụ tư vấn kỹ thuật là MRA đầu tiên của các nước ASEAN được ký vào ngày 9/12/2005 tại Kuala Lumpur, Malaysia. MRA này hướng tới xây dựng một hệ thống đăng ký hành nghề kỹ sư chung ASEAN.

ASEAN đã thành lập Ủy ban Điều phối kỹ sư thuật chuyên nghiệp ASEAN (ACPECC) đặt tại Jakarta, Indonesia để điều phối việc thực hiện MRA này. Trang web của Ủy ban là: [www.acpecc.net](http://www.acpecc.net)

Mỗi nước ASEAN cũng thành lập một Ủy ban giám sát về dịch vụ tư vấn kỹ thuật tại nước mình để thực hiện quy trình đánh giá và đăng ký cấp phép Kỹ sư chuyên nghiệp đủ điều kiện theo ASEAN.

Quy trình đăng ký để được hành nghề tại một nước ASEAN khác như sau:

- *Bước 1:* Kỹ sư chuyên nghiệp đủ điều kiện về trình độ và kinh nghiệm theo quy định trong MRA nộp đơn đăng ký lên Ủy ban Giám sát về dịch vụ tư vấn kỹ thuật tại nước mình để xin cấp chứng nhận Kỹ sư chuyên nghiệp đủ điều kiện theo ASEAN (ASEAN Chartered Professional Engineer – ACPE)
- *Bước 2:* Ủy ban Giám sát xem xét đơn đăng ký và lập Bản đánh giá, sau đó gửi lên Ủy ban Điều phối kỹ sư chuyên nghiệp ASEAN (ACPECC) để quyết định cấp phép hay không cấp phép chứng nhận ACPE
- *Bước 3:* Kỹ sư chuyên nghiệp đã được cấp chứng nhận ACPE sẽ đủ điều kiện để đăng ký với Cơ quan có thẩm quyền quản lý ngành nghề kỹ sư ở một nước ASEAN khác để được cấp phép là Kỹ sư chuyên nghiệp nước ngoài có đăng ký (RFPE) tại nước đó, nhưng phải tuân theo các quy định và pháp luật liên quan của nước đó.
- *Bước 4:* Kỹ sư chuyên nghiệp có RFPE được phép hành nghề tại nước ASEAN đó nhưng phải phối hợp với các kỹ sư chuyên nghiệp của nước đó.

Hiện tại, tất cả các thành viên ASEAN đã chính thức tham gia MRA này, và đã thành lập các cơ quan thực hiện MRA tại nước của mình, cũng như hoàn thành các thủ tục để thực hiện việc cấp chứng nhận ACPE. Tại Việt Nam, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 820 và 821/QĐ-BXD ngày 6/8/2009 về việc thành lập Ủy ban giám sát của Việt Nam và Quy chế đánh giá đối với kỹ sư chuyên nghiệp

Tính tới thời điểm tháng 10/2015, đã có 1.483 ACPE từ 9 nước ASEAN được chứng nhận, và 6 ACPE đã được đăng ký hành nghề như RFPE.

### **MRA đối với dịch vụ Kiến trúc (Architectural Services)**

MRA đối với lĩnh vực dịch vụ Kiến trúc được ký 19/11/2007 tại Singapore. MRA này hướng tới xây dựng một hệ thống đăng ký hành nghề Kiến trúc sư chung ASEAN

ASEAN đã thành lập Hội đồng Kiến trúc sư ASEAN (AAC) quản lý việc thực hiện MRA này. Website của AAC là: [www.aseanarchitectcouncil.org](http://www.aseanarchitectcouncil.org)

Mỗi nước ASEAN cũng thành lập một Ủy ban giám sát về dịch vụ kiến trúc tại nước mình để thực hiện quy trình đánh giá và đăng ký cấp phép Kiến trúc sư ASEAN.

Quy trình đăng ký Kiến trúc sư ASEAN và đăng ký hành nghề tại một nước khác như sau:

- *Bước 1:* Kiến trúc sư đủ điều kiện về trình độ và kinh nghiệm theo quy định trong MRA nộp đơn đăng ký lên Ủy ban Giám sát về dịch vụ Kiến trúc tại nước mình để xin cấp chứng nhận Kiến trúc sư ASEAN (AA)
- *Bước 2:* Ủy ban Giám sát xem xét đơn đăng ký và lập Bản đánh giá, sau đó gửi lên Hội đồng Kiến trúc sư ASEAN để quyết định cấp phép hay không cấp phép chứng nhận Kiến trúc sư ASEAN
- *Bước 3:* Kiến trúc sư đã được cấp chứng nhận là Kiến trúc sư ASEAN sẽ đủ điều kiện để đăng ký với Cơ quan có thẩm quyền quản lý ngành nghề kiến trúc sư ở một nước ASEAN khác để được cấp phép là Kiến trúc sư nước ngoài có đăng ký (RFA) tại nước đó, nhưng phải tuân theo các quy định và pháp luật liên quan của nước đó.
- *Bước 4:* Kiến trúc sư có RFA có thể hành nghề tự do hoặc phối hợp với các kiến trúc sư của nước sở tại.

Hiện tại, tất cả các thành viên ASEAN đã chính thức tham gia MRA này, và đã thành lập các cơ quan thực hiện MRA tại nước của mình, cũng như hoàn thành các thủ tục để thực hiện việc cấp chứng nhận Kiến trúc sư ASEAN. Ở Việt Nam, Bộ Xây dựng đã Ban hành Quyết định số 554/QĐ-BXD ngày 14/06/2011 về việc ban hành quy chế đánh giá kiến trúc sư ASEAN.

Tính tới thời điểm tháng 10/2015, đã có 284 Kiến trúc sư ASEAN từ 9 nước ASEAN được chứng nhận AA.

### **MRA đối với dịch vụ Kế toán (Accountancy Services)**

MRA đối với lĩnh vực Kế toán ban đầu được ký tháng 2/2009 dưới hình thức một khuôn khổ MRA nhằm khuyến khích các nước ASEAN đã sẵn sàng để tham gia vào đàm phán song phương hoặc đa phương về MRA trong lĩnh vực Kế toán. Sau đó, MRA này được sửa đổi và ký chính thức vào ngày 13/11/2014 tại Nay Pyi Taw, Myanmar.

ASEAN đã thành lập Ủy ban Điều phối Kế toán chuyên nghiệp ASEAN để thực hiện MRA này.

Mỗi nước ASEAN cũng thành lập một Ủy ban giám sát về dịch vụ kế toán tại nước mình để thực hiện quy trình đánh giá và đăng ký cấp phép Kế toán chuyên nghiệp đủ điều kiện theo ASEAN.

MRA này áp dụng đối với tất cả các dịch vụ kế toán trừ dịch vụ ký báo cáo kiểm toán độc lập và các dịch vụ yêu cầu cấp phép ở các nước ASEAN

Quy trình đăng ký để được hành nghề tại một nước ASEAN khác như sau:

- *Bước 1:* Kế toán chuyên nghiệp đủ điều kiện về trình độ và kinh nghiệm theo quy định trong MRA nộp đơn đăng ký lên Ủy ban Giám sát về dịch vụ kế toán của nước mình để xin cấp chứng nhận Kế toán chuyên nghiệp đủ điều kiện theo ASEAN (ACPA).
- *Bước 2:* Ủy ban Giám sát xem xét đơn đăng ký và lập Bản đánh giá, sau đó gửi lên Ủy ban Điều phối kế toán chuyên nghiệp ASEAN để quyết định cấp phép hay không cấp phép chứng nhận ACPA
- *Bước 3:* Kế toán chuyên nghiệp đã được cấp chứng nhận ACPA sẽ đủ điều kiện để đăng ký với Cơ quan có thẩm quyền quản lý ngành nghề kế toán ở một nước ASEAN khác để được cấp phép là Kế toán chuyên nghiệp nước ngoài có đăng ký (RFPA) tại nước đó, nhưng phải tuân theo các quy định và pháp luật liên quan của nước đó.
- *Bước 4:* Kế toán chuyên nghiệp có RFPA được phép hành nghề nhưng phải phối hợp với Kế toán chuyên nghiệp của nước sở tại.

Tính tới thời điểm tháng 12/2015, MRA này mới ký được hơn 1 năm và hiện chưa có thông tin về tình hình thực hiện MRA này của các nước ASEAN (bao gồm cả Việt Nam).



### **MRA đối với dịch vụ Du lịch**

MRA đối với dịch vụ Du lịch (MRA-TP) được các nước ASEAN ký ngày 9/11/2012 tại Bangkok, Thái Lan

Nội dung chính: Trình độ của người lao động của một nước ASEAN có thể được một nước ASEAN khác công nhận, và được làm việc tại nước đó với điều kiện:

- Người lao động làm việc trong một trong 32 lĩnh vực dịch vụ khách sạn và lữ hành quy định trong Phụ lục đính kèm MRA-TP, trong đó không bao gồm Hướng dẫn viên du lịch
- Người lao động phải được đào tạo và có Chứng nhận trình độ du lịch (còn hiệu lực) đáp ứng Tiêu chuẩn trình độ chung ASEAN về du lịch (ACCSTP) và được cấp bởi một Hội đồng chứng nhận nghề du lịch tại nước mình
- Người lao động phải tuân thủ các quy định và pháp luật hiện hành của nước sở tại.

Hiện tại MRA này vẫn chưa có hiệu lực. Sáu nước Indonesia, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore và Thái Lan đã hoàn thành các thủ tục và quy trình trong nước để thực hiện MRA này nhưng 4 nước còn lại trong ASEAN bao gồm Việt Nam vẫn đang trong quá trình chuẩn bị cho việc thực hiện MRA này.

### **MRA đối với lĩnh vực Điều dưỡng, Hành nghề Y và Hành nghề Nha khoa**

MRA về Điều dưỡng ký ngày 8/12/2006 tại Cebu, Philippines. MRA về Hành nghề y và MRA về Hành nghề nha khoa được ký ngày 26/2/2009 tại Cha-am, Thái Lan.

Đặc điểm chung của cả 3 MRA này là không hướng tới thiết lập một cơ chế đăng ký hành nghề chung ASEAN mà chủ yếu tập trung vào trao đổi thông tin và tăng cường hợp tác về công nhận lẫn nhau trong các lĩnh vực ngành nghề này, thúc đẩy áp dụng các thực tiễn tốt nhất về các tiêu chuẩn và trình độ, cung cấp cơ hội xây dựng năng lực và đào tạo...

Vì vậy, các cá nhân của một nước ASEAN hoạt động trong 3 lĩnh vực này khi muốn hành nghề tại một nước ASEAN khác thì vẫn phải thực hiện hoàn toàn theo các quy định pháp luật và quy trình thủ tục liên quan của nước ASEAN khác đó.

### **MRA đối với lĩnh vực Khảo sát (Surveing Services)**

Thỏa thuận khung về thừa nhận lẫn nhau về trình độ khảo sát được ký ngày 19/11/2011 tại Singapore nhằm mục tiêu tạo ra một khuôn khổ cho các nước ASEAN đã sẵn sàng tham gia vào các cuộc đàm phán song phương và đa phương về thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực này, cũng như thúc đẩy trao đổi thông tin, kỹ năng và các thực tiễn tốt...

Tuy nhiên, cho tới thời điểm hiện tại chưa có một thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau song phương hay đa phương nào được đưa ra về lĩnh vực này.

# Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA)

Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA) được ký kết tháng 2/2009 và có hiệu lực từ 29/3/2012 thay thế cho Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư ASEAN (IGA) 1987 và Hiệp định Khu vực đầu tư ASEAN (AIA) 1998)

Hiệp định ACIA bao gồm 4 nội dung chính là Tự do hóa đầu tư, Bảo hộ đầu tư, Thuận lợi hóa đầu tư và Xúc tiến đầu tư.

Cụ thể, ACIA bao gồm:

- 49 Điều;
- 02 phụ lục:
  - Phụ lục 1 quy định về các yêu cầu bắt buộc về thủ tục mà Cơ quan có thẩm quyền nước thành viên phải tuân thủ đối với các trường hợp mà pháp luật nội địa của từng nước quy định phải có chấp thuận bằng văn bản đối với khoản đầu tư
  - Phụ lục 2 về trường hợp tịch biên và bồi thường
- 01 Danh mục bảo lưu: Danh mục này của Việt Nam bao gồm các trường hợp ngoại lệ không áp dụng nghĩa vụ đối xử quốc gia và nghĩa vụ đối với quản lý cấp cao và ban giám đốc.

## ❖ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Về nghĩa vụ liên quan đến đầu tư: ACIA điều chỉnh các biện pháp của các nước Thành viên áp dụng đối với các nhà đầu tư và các khoản đầu tư hiện tại hoặc tương lai (tính từ thời điểm ACIA có hiệu lực) của các nhà đầu tư của các nước Thành viên khác.

ACIA không áp dụng đối với:

- Các biện pháp liên quan đến thuế (trừ các trường hợp quy định khác trong Hiệp định)
- Các khoản tài trợ hay trợ cấp của một nước Thành viên
- Mua sắm công
- Các dịch vụ cung cấp nhằm thực hiện thẩm quyền của nhà nước bởi một cơ quan hoặc đơn vị của nước Thành viên
- Các biện pháp tác động tới thương mại dịch vụ theo Hiệp định khung về Dịch vụ ASEAN (AFAS), trừ một số biện pháp liên quan tới Phương thức cung cấp dịch vụ 3 – Hiện diện thương mại như quy định cụ thể trong Hiệp định

Về tự do hóa đầu tư: ACIA chỉ có các cam kết về tự do hóa đầu tư trong các lĩnh vực:

- Chế tạo (manufacturing)
- Nông nghiệp
- Nghề cá (fishery)
- Lâm nghiệp (forestry)
- Khai mỏ (mining and quarrying)
- Các dịch vụ phụ trợ cho các ngành trên
- Và bất kỳ lĩnh vực nào khác nếu tất cả các Thành viên đồng ý

## ▣ CÁC NGHĨA VỤ CHÍNH VỀ ĐẦU TƯ

### Các nghĩa vụ về không phân biệt đối xử

- Đối xử Quốc gia (NT): Mỗi Thành viên cam kết dành cho các nhà đầu tư/khoản đầu tư của nhà đầu tư từ nước Thành viên khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử với các nhà đầu tư/khoản đầu tư của nhà đầu tư nước mình.
- Đối xử Tối huệ quốc (MFN): Mỗi Thành viên cam kết dành cho các nhà đầu tư/khoản đầu tư của nhà đầu tư từ nước Thành viên khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử với các nhà đầu tư/khoản đầu tư của nhà đầu tư từ bất kỳ nước Thành viên hay ngoài Thành viên ASEAN nào, trừ các trường hợp sau:
  - Các thỏa thuận tiểu khu vực (sub-regional) giữa hai hoặc nhiều Thành viên
  - Các thỏa thuận đã có của các nước Thành viên với các nước khác nhưng phải thông báo với Hội đồng Đầu tư ASEAN.

Như vậy, sau khi ACIA có hiệu lực, bất kỳ nước Thành viên ASEAN nào có bất kỳ thỏa thuận nào với các nước khác ngoài ASEAN, trong đó có các cam kết dành sự đối xử ưu đãi hơn đối với các nhà đầu tư/khoản đầu tư của các nhà đầu tư nước đó so với các cam kết trong ACIA, thì mặc định những đối xử ưu đãi hơn đó cũng sẽ được áp dụng với các nước Thành viên ASEAN. Tuy nhiên, theo quy định của Hiệp định, nguyên tắc này sẽ không áp dụng đối với các quy định liên quan đến Cơ chế giải quyết tranh chấp Nhà nước-nhà đầu tư nước ngoài (ISDS)

- Các yêu cầu về thực hiện (performance requirement): ACIA khẳng định lại các quy định trong Hiệp định về các Biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại của WTO (Hiệp định TRIMS) trong đó có các nội dung liên quan đến việc cấm các nước đưa ra các yêu cầu về thực hiện như: yêu cầu doanh nghiệp phải mua một tỷ lệ nhất định hàng hóa nội địa, xuất khẩu một tỷ lệ nhất định hàng hóa....
- Các nước cam kết sau 2 năm kể từ ngày ACIA có hiệu lực sẽ tiến hành đánh giá chung về các yêu cầu thực hiện để bổ sung thêm cam kết vào Hiệp định này. Tuy nhiên cho đến nay nội dung này vẫn chưa có bổ sung, sửa đổi nào.
- Các yêu cầu về Quản lý cấp cao và Ban giám đốc (Senior Management and Board of Directors): các Thành viên không được đặt ra yêu cầu về quốc tịch của nhân sự quản lý cấp cao trong doanh nghiệp, trừ khi có bảo lưu rõ ràng trong Hiệp định. Tuy nhiên, các Thành viên có thể yêu cầu đa số nhân sự trong ban giám đốc phải thuộc một quốc tịch nào đó.

## Các nghĩa vụ về bảo hộ đầu tư

ACIA bao gồm rất nhiều các quy định nhằm đảm bảo quyền lợi cho cho các nhà đầu tư nước ngoài và các khoản đầu tư của họ khi đầu tư vào một nước ASEAN, trong đó có các quy định về đối xử công bằng và thỏa đáng, tự do chuyển tiền (vốn, lợi nhuận..) ra nước ngoài, đảm bảo an ninh, an toàn, không bị trưng thu trưng dụng tài sản bất hợp lý...

Đặc biệt, ACIA đưa vào một Cơ chế Giải quyết tranh chấp Nhà nước-nhà đầu tư nước ngoài (ISDS) trong đó cho phép nhà đầu tư khi có tranh chấp với nước nhận đầu tư có quyền kiện nước đó ra một cơ chế trọng tài độc lập. Quy trình và thủ tục giải quyết tranh chấp theo cơ chế ISDS được quy định khá cụ thể và rõ ràng trong Hiệp định. Phạm vi giải quyết tranh chấp là các tranh chấp liên quan đến các nghĩa vụ về Đối xử Quốc gia (Điều 5), Đối xử Tối Huệ quốc (Điều 6), Quản lý cấp cao và Ban giám đốc (Điều 8), Đối xử đầu tư (Điều 11), Bồi thường trong trường hợp xung đột (Điều 12), Chuyển tiền (Điều 13), Trưng dụng và Bồi thường (Điều 14)

### Quy trình giải quyết tranh chấp theo Cơ chế ISDS





## ❖ CHÚ Ý

Không phải toàn bộ các biện pháp liên quan đến đầu tư của các nước Thành viên đều phải tuân thủ theo các nghĩa vụ trên mà vẫn có các ngoại lệ/bảo lưu cho phép các nước Thành viên không phải tuân thủ toàn bộ hoặc một số nghĩa vụ trong ACIA. Cụ thể, Hiệp định đưa ra các ngoại lệ/bảo lưu sau:

- Ngoại lệ chung (Điều 17): bao gồm các ngoại lệ liên quan đến bảo vệ đạo đức công cộng, bảo vệ tính mạng và sức khỏe con người, động thực vật, bảo vệ các bảo vật quốc gia về văn hóa, lịch sử hoặc khảo cổ...
- Ngoại lệ về an ninh quốc phòng
- Bảo lưu theo Danh mục bảo lưu của từng nước: Mỗi nước có một Danh mục các biện pháp bảo lưu hai nghĩa vụ Đối xử Quốc gia (NT) và nghĩa vụ về Nhân sự quản lý cấp cao và Ban giám đốc. Đối với Danh mục Bảo lưu của Việt Nam, tất cả các lĩnh vực đều có một số biện pháp bảo lưu hai nghĩa vụ này.

Tuy nhiên, theo quy định của ACIA, các Thành viên sẽ phải cắt giảm hoặc xóa bỏ các bảo lưu trong Danh mục bảo lưu của nước mình phù hợp với 3 giai đoạn của Lộ trình chiến lược trong Kế hoạch tổng thể thực hiện AEC.

# Tóm lại

**VỀ TỰ DO HÓA HÀNG HÓA:** Trong số các FTA mà Việt Nam đã ký kết, các cam kết về cắt giảm thuế quan trong AEC là cao nhất và nhanh nhất. Cho đến nay, Việt Nam đã gần hoàn thành lộ trình cắt giảm thuế quan trong AEC.

**VỀ TỰ DO HÓA DỊCH VỤ:** các cam kết về dịch vụ trong AEC đều tương tự mức cam kết trong WTO, trong một số gói cam kết dịch vụ gần đây của AEC, mức độ cam kết đã bắt đầu cao hơn so với WTO nhưng không nhiều và cũng phù hợp với mức độ mở cửa thực tế về dịch vụ của Việt Nam.

**VỀ TỰ DO HÓA ĐẦU TƯ:** các cam kết về đầu tư trong AEC toàn diện hơn trong WTO và các FTA đã ký của Việt Nam nhưng cũng phù hợp với các quy định về đầu tư trong pháp luật Việt Nam (việc thực thi các cam kết về đầu tư trong AEC không buộc Việt Nam phải sửa đổi pháp luật trong nước)

**VỀ TỰ DO HÓA LAO ĐỘNG:** Cho đến nay việc tự do hóa lao động trong AEC mới chỉ dừng lại ở các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) về trình độ của lao động có kỹ năng (thông qua xây dựng hệ thống đăng ký hành nghề chung) trong 8 ngành nghề, nhưng cho tới thời điểm hiện tại chỉ có 2 MRA đã được thực thi đầy đủ.

# 3.

## CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA AEC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM









## Cơ hội

Khi các mục tiêu của AEC được hoàn tất, AEC sẽ mang lại những cơ hội lớn cho nền kinh tế và các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là:

- AEC mở ra một khu vực thị trường chung rộng lớn: với gần 100% hàng hóa được tự do lưu chuyển trong nội khối, AEC tạo ra một khu vực thị trường hàng hóa chung giữa các nước ASEAN, mở ra cơ hội làm ăn kinh doanh lớn cho các doanh nghiệp trong khu vực;
- AEC mở ra cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam: môi trường kinh doanh được mở rộng theo hướng minh bạch và bình đẳng hơn sẽ là điều kiện để thu hút đầu tư nước ngoài không những từ các nước ASEAN mà cả từ các nước ngoài khối, đặc biệt là các nước đối tác FTA của ASEAN vào Việt Nam để tham gia và chuỗi giá trị khu vực;
- AEC tạo ra sức ép, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam: tham gia vào một sân chơi chung và chịu áp lực cạnh tranh từ các đối tác khu vực cả về trình độ quản lý, công nghệ và nhân lực sẽ buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải tự cải tổ, thay đổi, nâng cao năng lực cạnh tranh để có thể tồn tại và phát triển.
- AEC tạo ra khí thế và động lực cho doanh nghiệp: Với tinh thần chuẩn bị cho việc hình thành AEC vào cuối năm 2015 và những trông đợi về một khu vực thị trường chung năng động với nhiều cơ hội mở ra, các doanh nghiệp Việt Nam dường như đã được thức tỉnh để chuẩn bị tư thế và hành tranh cho tiến trình hội nhập mạnh mẽ sắp tới.

# Thách thức

Thách thức lớn nhất trong AEC đối với Việt Nam hiện tại là sức ép cạnh tranh từ hàng hóa từ các nước ASEAN: với cơ cấu sản phẩm tương đối giống nhau ở cả 10 nước ASEAN, việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh rất lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp có sức cạnh tranh yếu và ở các ngành vốn được bảo hộ cao từ trước tới nay.

Trong tương lai, khi các mục tiêu AEC được hoàn tất, những sức ép từ các khía cạnh khác sẽ xuất hiện, thách thức vì vậy sẽ mở rộng ra các vấn đề khác.

- Thách thức về dịch vụ: Nếu mục tiêu tự do lưu chuyển dịch vụ trong AEC được hiện thực hóa, các doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ chắc chắn sẽ bị đặt trong môi trường cạnh tranh khốc liệt hơn nhiều (bởi hiện nay các rào cản/điều kiện đối với nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài vào Việt Nam vẫn còn tương đối cao, do đó doanh nghiệp dịch vụ Việt Nam hiện đang được “bao bọc” khá kỹ lưỡng trong nhiều lĩnh vực dịch vụ);
- Thách thức về lao động: Khi AEC hoàn tất mục tiêu tự do lưu chuyển lao động, nếu không có sự chuẩn bị đầy đủ, lao động Việt Nam tay nghề kém, thiếu các kỹ năng cần thiết (ngoại ngữ, tính chuyên nghiệp...) có thể sẽ gặp khó khăn lớn.

# 4.

## KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VÀ NHÀ NƯỚC







# Khuyến nghị cho doanh nghiệp

Với tính chất là mục tiêu mang tính lộ trình, và với cấu thành là những Hiệp định, Thỏa thuận đã và đang thực hiện, tại thời điểm hình thành AEC (cuối năm 2015), cơ chế cũng như chính sách thương mại với các nước ASEAN sẽ không có thay đổi gì đáng kể so với hiện tại, và do đó cũng sẽ không tạo tác động gây sốc nào đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn cần chủ động để tìm hiểu các nội dung và cam kết của các Hiệp định đang có hiệu lực trong AEC để tận dụng các cơ hội và hạn chế thách thức từ việc thực thi các hiệp định này. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng cần quan tâm tới lộ trình thực hiện các mục tiêu tương lai của AEC để có sự chuẩn bị sẵn sàng cho một khu vực thị trường và sản xuất chung sẽ được hình thành khi các mục tiêu của AEC được hoàn tất.

Ngoài ra, AEC không phải là mục tiêu hội nhập duy nhất của Việt Nam, bên cạnh đó còn rất nhiều các FTA khác với các đối tác quan trọng, dự kiến sẽ có tác động lớn, mang tính cộng hưởng đến nền kinh tế và các doanh nghiệp Việt Nam. Vì vậy, doanh nghiệp cần tập trung mọi nỗ lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, trong đó có cả việc tận dụng các cơ hội hội nhập để nâng cao năng lực cạnh tranh, qua đó có thể tồn tại và phát triển được trong thời gian tới khi Việt Nam hội nhập sâu hơn nữa vào nền kinh tế thế giới.

# Khuyến nghị đối với các cơ quan nhà nước

Tăng cường cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về AEC cũng như các FTA khác mà Việt Nam đang tham gia. Thông tin cung cấp cần cụ thể và dễ dàng tiếp cận được đối với doanh nghiệp;

Phối hợp chặt chẽ hơn nữa với VCCI và các hiệp hội trong quá trình đàm phán cũng như thực thi các bước hiện thực hóa AEC sau này;

Xây dựng một kênh tham vấn doanh nghiệp thường xuyên và hiệu quả hơn không chỉ cho đàm phán mà quan trọng hơn là cho quá trình thực thi các cam kết thương mại (đặc biệt cần có một đơn vị đầu mối cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp tìm hiểu nội dung các AEC, các FTA cũng như tư vấn, giải thích cho doanh nghiệp trong các trường hợp vướng mắc).

## Tài liệu tham khảo

Website [www.trungtamwto.vn](http://www.trungtamwto.vn): Các Hiệp định thương mại trong khuôn khổ ASEAN

Website [www.asean.org](http://www.asean.org): Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP  
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  
Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: 04.35771458  
Fax: 04.35771459  
Email: [banthuky@trungtamwto.vn](mailto:banthuky@trungtamwto.vn)  
Website: [www.trungtamwto.vn](http://www.trungtamwto.vn)/[www.wtcenter.vn](http://www.wtcenter.vn)